TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh

2. Ông Lý Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị P, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 79, tổ 02, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà La Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con vô cớ và mỗi lần ông T có rượu là đòi đốt nhà làm bà rất sợ, hoang mang và lo lắng. Ngoài ra, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau về việc tiền bạc, chi tiêu trong gia đình và nhiều việc khác trong cuộc sống, bà có khuyên

can nhiều lần nhưng ông T vẫn không chịu sửa đổi, nhiều lần vợ chồng tự ly thân nhau rồi trở về sinh sống cùng nhau, thời gian ly thân gần nhất là từ tháng 6/2020 cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là N, sinh ngày 22/12/2000. Hiện nay, cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Toà án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T thì được biết ông bà không có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M và Uỷ ban nhân dân xã K nơi ông bà cư trú.

Tại phiên toà,

- Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Bà P và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà P và ông T là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông T nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn"*. Ông T có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông T.

[2.2] *Về con chung*: Bà P và ông T có 01 (một) con chung là N, sinh ngày 22/12/2000, đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà La Thị P và ông Nguyễn Bảo T.

- Về con chung: Bà P và ông T có 01 (một) con chung là N, sinh ngày 22/12/2000, đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà La Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003362 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà P không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà La Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã K;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến